

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/01/2025

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan

Ông Trương Công Đức

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hà Văn Tuấn là Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thiên T**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: 2 ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Trần Minh T1**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: 2 ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Trần Thị Thiên T trình bày:

- Về hôn nhân: Qua một thời gian quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau và trên cơ sở tự nguyện, chị Trần Thị Thiên T và anh Trần Minh T1 đã tiến đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 116 ngày 14/10/2009.

Trong quá trình chung sống, những năm đầu sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc, sau khi sinh bé thứ hai là cháu N thì anh T1 và chị T bắt đầu có

mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 ham chơi cùng với bạn bè, đi làm nhưng thi thoảng mới phụ giúp chị T chi phí sinh hoạt trong gia đình, thậm chí anh T1 còn mượn tiền nhiều người xung quanh gây nợ nần để mọi người đến nhà làm phiền đến gia đình chị T đang sinh sống. Anh T1 thường xuyên đi ra ngoài, ít khi về nhà nên tình cảm hai vợ chồng cũng dần xa cách. Mặc dù sống chung nhà nhưng chị T và anh T1 cũng ít thấy được mặt nhau, cả hai tôn trọng cuộc sống riêng của nhau, không ai hỏi thăm đến ai và cũng không thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng khoảng gần 10 năm nay. Hai vợ chồng cũng đã ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy hai vợ chồng đã hết tình cảm, không thể hàn gắn và sống chung cùng nhau được nữa. Do vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh T1.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung:
- + Cháu Trần Huyền Thanh T2, sinh ngày: 27/9/2010.
- + Cháu Trần Minh N, sinh ngày: 31/8/2013.

Hiện nay các cháu đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là cháu T2 và cháu N, chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị T đang làm công nhân may tại nhà, thu nhập khoảng 11.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thiên T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chị Trần Thị Thiên T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai đề ngày 23 tháng 12 năm 2024, bị đơn - anh Trần Minh T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Trần Minh T1 và chị Trần Thị Thiên T quen biết nhau được một năm thì tiến tới hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 116 ngày 14/10/2009. Trong quá trình chung sống, khoảng đầu năm 2023 là hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh T1 cũng hay đi ra ngoài, ít quan tâm đến gia đình nên dẫn đến tình cảm dần rạn nứt. Từ đó đến nay thì hai vợ chồng cũng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai và không thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1 thì anh T1 đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Thiên T.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung:
- + Cháu Trần Huyền Thanh T2, sinh ngày: 27/9/2010.
- + Cháu Trần Minh N, sinh ngày: 31/8/2013.

Hiện nay, các cháu đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn, anh T1 đồng ý giao con chung cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu. Anh T1 không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Trần Minh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Anh Trần Minh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa. Tuy nhiên, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị Thiên T và anh Trần Minh T1 được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Huyền Thanh T2 và cháu Trần Minh N cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn - chị Trần Thị Thiên T có yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn - anh Trần Minh T1. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định anh T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa (Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Thiên T và anh Trần Minh T1 tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 116 ngày 14/10/2009. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị T và anh T1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Qua trình bày của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy sau khi kết hôn một thời gian, cuộc sống chung của vợ chồng chị T và anh T1 đã xảy ra mâu thuẫn. Trong cuộc sống chung vợ chồng anh chị đã thiếu sự tin tưởng, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa. Nguyên nhân chủ yếu là do anh T1 thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình của chị T, dần làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt. Do mâu thuẫn căng thẳng nên khoảng một năm nay hai vợ chồng đã sống ly thân, anh T1 cũng ít về nhà. Thời gian vợ chồng sống ly thân anh chị cũng bỏ mặc, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh T1 và chị T đều thừa nhận không còn tình cảm yêu thương nhau để cùng chung sống và không có khả năng đoàn tụ. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải đề kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng anh T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị T và đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị T và anh T1 có hai con chung là cháu Trần Huyền Thanh T2, sinh ngày: 27/9/2010 và cháu Trần Minh N, sinh ngày: 31/8/2013.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là cháu T2 và N. Xét thấy, hiện con chung đang sống cùng với chị T, yêu cầu của chị T được anh T1 đồng ý và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét cần giao các con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị T hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chị T không yêu cầu nên tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T và anh T1 đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] **Về án phí**: Chị Trần Thị Thiên T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo:** Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Trần Thị Thiên T.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Trần Thị Thiên T và anh Trần Minh T1 được ly hôn.

2. *Về con chung:*

2.1. Giao cháu Trần Huyền Thanh T2, sinh ngày: 27/9/2010 và cháu Trần Minh N, sinh ngày: 31/8/2013 cho chị Trần Thị Thiên T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2. Anh Trần Minh T1 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về cấp dưỡng: Tạm thời anh Trần Minh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị Thiên T không yêu cầu.

3. *Về án phí:* Chị Trần Thị Thiên T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0008455 ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Trần Thị Thiên T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất;
(GNCKH số 116/2009)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết Hạnh